

Số: /GPMT-UBND

Cần Đước, ngày tháng 01 năm 2025

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2024/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần tại Văn bản số 24-2517/PBHC-KTAT-KHĐT ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Cơ sở “Tổng kho hàng hóa” tại hồ sơ số H39.21-241127-5034/TNHS; Văn bản số 25-117/PBHC-KTAT-KHĐT ngày 20 tháng 01 năm 2025 về việc giải trình những nội dung đã bổ sung, chỉnh sửa Báo cáo đề xuất cấp phép môi trường của Cơ sở “Tổng kho hàng hóa”;

Theo Đề nghị số 555/ĐN-TNMT ngày 20/01/2025 của Phòng Tài nguyên và Môi trường,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần; địa chỉ trụ sở chính: số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở “Tổng kho hàng hóa”, theo giấy chứng nhận đầu tư số 50121000357 do UBND tỉnh Long An cấp chứng nhận lần đầu ngày 22 tháng 5 năm 2013 tại ấp 4, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của Cơ sở:**

1.1. Tên Cơ sở: Tổng kho hàng hóa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Ấp 4, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0303165480 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp; Đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 8 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 16 tháng 02 năm 2024. Giấy chứng nhận đầu tư số 50121000357 do UBND tỉnh Long An cấp chứng nhận lần đầu ngày 22 tháng 5 năm 2013 tại ấp 4, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kho chứa phân bón.

1.5. Mã số thuế: 0303165480

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

1.6.1. Phạm vi: Ấp 4, xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An (Tổng diện tích đất là 15.259 m<sup>2</sup>).

1.6.2. Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như Dự án nhóm C (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

1.6.3. Quy trình công nghệ sản xuất:

Phân bón từ nhà cung cấp (Nhà máy Đạm Phú Mỹ) → Vận chuyển bằng ô tô, tàu thuyền → Lưu trữ và bảo quản trong kho → Phân phối đến nơi tiêu thụ.

1.6.4. Công suất: 15.000 tấn sản phẩm/tháng.

1.6.5. Nguyên liệu và hoá chất sử dụng: Clorine.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày .... tháng 01 năm 2025 đến hết ngày .... tháng 01 năm 2035).

**Điều 4.** Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở “Tổng kho hàng hóa” của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT UBND huyện;
- CVP, PCVP;
- Phòng TN&NT;
- Phòng KT&HT;
- CVKT;
- UBND xã Long Định;
- Tổng Cty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP;
- Cổng Thông tin điện tử của huyện;
- Lưu: VT.TNMT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Đào Hữu Tấn**

**Phụ lục 1**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ  
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND  
ngày.....tháng 01 năm 2025 của UBND huyện Cần Đước)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:****1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu nhà văn phòng của Cơ sở.
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực bến thủy nội địa của Cơ sở.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Vàm Cỏ Đông.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: Ấp 4, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.
- Toạ độ vị trí xả thải (theo toạ độ VN 2000, kinh tuyến trục 105<sup>0</sup>45', múi chiều 3<sup>0</sup>):

+ Điểm xả 1 (tương ứng với nguồn số 01), toạ độ: X (m) = 1.173.156; Y (m) = 580.100

+ Điểm xả 2 (tương ứng với nguồn số 02), toạ độ: X (m) = 1.173.209; Y (m) = 580.107

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 02m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) tương đương 0,08m<sup>3</sup>/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn được dẫn thoát vào sông Vàm Cỏ Đông tại Ấp 4, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24h/24h.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT Cột A (K<sub>q</sub> = 1,0; K<sub>f</sub> = 1,2) cụ thể như sau:

| STT | Chất ô nhiễm                         | Đơn vị | Giá trị giới hạn cho phép | Tần suất quan trắc định kỳ                                      | Quan trắc tự động, liên tục                                           |
|-----|--------------------------------------|--------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 1   | pH                                   | --     | 6 - 9                     | Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy | Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo |
| 2   | BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C) | mg/L   | 36                        |                                                                 |                                                                       |
| 3   | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)          | mg/L   | 60                        |                                                                 |                                                                       |
| 4   | COD                                  | mg/L   | 90                        |                                                                 |                                                                       |

| STT | Chất ô nhiễm        | Đơn vị | Giá trị giới hạn cho phép | Tần suất quan trắc định kỳ                  | Quan trắc tự động, liên tục                 |
|-----|---------------------|--------|---------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------|
| 5   | Sunfua              | mg/L   | 0,24                      | định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP | quy định Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP |
| 6   | Amoni (tính theo N) | mg/L   | 6                         |                                             |                                             |
| 7   | Tổng Nito           | mg/L   | 24                        |                                             |                                             |
| 8   | Tổng photpho        | mg/L   | 4,8                       |                                             |                                             |
| 9   | Tổng dầu mỡ khoáng  | mg/L   | 6                         |                                             |                                             |
| 10  | Coliforms           | mg/L   | 3.000                     |                                             |                                             |

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ cơ sở phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải; tiêu chuẩn đầu nổi; quan trắc nước thải định kỳ; hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục; biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

### **1.1. Mạng lưới thu gom và thoát nước mưa:**

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa được tách riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước thải.

Thoát nước mưa từ mái: Mái nhà được lắp đặt máng thu gom nước mưa bằng các senô tại vị trí các viền mép mái, nhờ vào độ dốc mái nước mưa chảy vào các máng thu sau đó chảy về phễu thu vào đường ống thu nước đứng (tôn hộp, kích thước 150x100mm), chảy xuống dưới mặt đất. Nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân được thu bằng hố ga hàm ếch vào hệ thống cống thu gom nước mưa của Cơ sở sau đó thoát ra sông Vàm Cỏ Đông.

Tọa độ vị trí (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>45', múi chiều 3<sup>0</sup>):

- Vị trí cửa thoát 1, tọa độ: X (m) = 1.173.159; Y (m) = 580.103.

- Vị trí cửa thoát 2, tọa độ: X (m) = 1.173.207; Y (m) = 580.109.

### **1.2. Mạng lưới thu gom, xử lý nước thải:**

#### **1.2.1. Mạng lưới thu gom nước thải:**

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa. Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom theo hệ thống thoát nước thải nội bộ.

- Nguồn số 01: Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom theo hệ thống đường ống uPVC D110 về hầm tự hoại để xử lý sơ bộ, nước thải sau hầm tự hoại được dẫn qua đường ống HDPE D90 về hệ thống bể lắng, lọc, khử trùng 01 của Cơ sở.

- Nguồn số 02: Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom theo hệ thống đường ống uPVC D110 về hầm tự hoại để xử lý sơ bộ, nước thải sau hầm tự hoại được dẫn về hệ thống bể lắng, lọc, khử trùng 02 của Cơ sở.

- Toàn bộ nước thải sau khi xử lý thải đạt tiêu chuẩn được dẫn thoát vào sông Vàm Cỏ Đông.

#### *1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:*

- Bể tự hoại:

+ Số lượng 02 bể.

+ Tổng dung tích 8,4 m<sup>3</sup>.

- Hệ thống bể lắng, lọc, khử trùng:

+ Số lượng: 02 hệ thống bể lắng, lọc, khử trùng.

+ Tổng dung tích 1,5 m<sup>3</sup>.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải nhà vệ sinh qua bể tự hoại → Bể lắng → Bể lọc → Bể khử trùng → sông Vàm Cỏ Đông.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine.

#### *1.3. Quan trắc nước thải định kỳ; hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:*

- Quan trắc nước thải định kỳ: Không thuộc đối tượng phải thực hiện theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

#### *1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:*

Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố từ hệ thống xử lý nước thải được thực hiện nghiêm túc với các biện pháp đảm bảo an toàn như sau:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của các thiết bị xử lý, tình trạng hoạt động của các bể xử lý và mạng lưới thu gom, thoát nước thải để có biện pháp khắc phục kịp thời. Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý. Lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý. Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải cục bộ.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở; bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả của hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Cơ sở.

- Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Phụ lục 2**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND  
ngày.....tháng 01 năm 2025 của UBND huyện Cần Đước)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực cầu tàu.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tọa độ: X (m) = 1.173.176; Y (m) = 580.092.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ).

**3. Tiếng ồn, độ rung:** Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

| STT | Từ 6-21 giờ<br>(dBA) | Từ 21-6 giờ<br>(dBA) | Tần suất quan<br>trắc định kỳ | Ghi chú              |
|-----|----------------------|----------------------|-------------------------------|----------------------|
| 1   | 70                   | 55                   | -                             | Khu vực thông thường |

**3.2. Độ rung:**

| STT | Thời gian áp dụng trong ngày<br>và mức gia tốc rung cho phép<br>(dB) |             | Tần suất quan<br>trắc định kỳ | Ghi chú              |
|-----|----------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------|----------------------|
|     | Từ 6-21 giờ                                                          | Từ 21-6 giờ |                               |                      |
| 1   | 70                                                                   | 60          | -                             | Khu vực thông thường |

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực kho.

- Bố trí các máy móc thiết bị bằng tải một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

- Trang bị tai nghe chống ồn cho các công nhân làm việc tại các khu vực phát ra tiếng ồn lớn.

- Áp dụng biện pháp bóc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp

sử dụng xe nâng để bốc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

- Trang bị hệ thống chống rung, giảm chấn và cách ly lan truyền dao động cho các thiết bị có độ rung cao.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ cơ sở phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

- Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (*QCVN 26:2010/BTNMT*) và độ rung (*QCVN 27:2010/BTNMT*) và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành.

- Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Phụ lục 3**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND*  
*ngày.....tháng 01 năm 2025 của UBND huyện Cần Đước)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

| STT         | Thành phần rác thải                                                                                                                          | Trạng thái tồn tại | Khối lượng hiện tại (kg/năm) | Khối lượng dự báo (kg/năm) | Mã CTNH  |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------|----------------------------|----------|
| 1           | Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải                                                                                    | Rắn                | 3                            | 5                          | 16 01 06 |
| 2           | Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại | Rắn                | 1                            | 10                         | 18 02 01 |
| 3           | Hộp chứa mực in thải                                                                                                                         | Rắn                | 6                            | 10                         | 08 02 04 |
| <b>Tổng</b> |                                                                                                                                              | --                 | <b>10</b>                    | <b>25</b>                  | --       |

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

| STT         | Tên chất thải                               | Đơn vị        | Khối lượng hiện tại | Khối lượng dự báo |
|-------------|---------------------------------------------|---------------|---------------------|-------------------|
| 1           | Bùn thải từ bể tự hoại và các hố ga         | Kg/năm        | 500                 | 500               |
| 2           | Giấy vụn phòng                              | Kg/năm        | 48                  | 48                |
| 3           | Vải bạt hỏng không dính thành phần nguy hại | Kg/năm        | 216                 | 216               |
| <b>Tổng</b> |                                             | <b>Kg/năm</b> | <b>764</b>          | <b>764</b>        |

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:**

Chất thải rắn sinh hoạt tại Cơ sở với khối lượng ước tính khoảng 2,19 tấn/năm chủ yếu bao gồm chất thải hữu cơ (*rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...*), chất thải vô cơ (*bao gồm nylon, vỏ lon, thủy tinh,...*).

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt,**

## **chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

#### **2.1.1. Thiết bị lưu chứa:**

- Thùng nhựa, có nắp đậy, được dán nhãn cảnh báo nguy hại được để tại khu lưu chứa chất thải nguy hại.

#### **2.1.2. Khu vực lưu chứa:**

- Diện tích : 7,0 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: Bố trí riêng biệt, kết cấu nền tường và có mái che bằng tôn, bảo đảm mặt sàn kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu, có gờ chống tràn cao 10cm, trước cửa kho có gắn biển cảnh báo; được trang bị đầy đủ biển cảnh báo, thiết bị PCCC, vật liệu hấp thụ (cát khô được bố trí trong thùng chứa), xẻng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng theo quy định.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

#### **2.2.1. Thiết bị lưu chứa:**

- Thùng chứa dung tích từ 120 lít, có nắp đậy tại kho phân bón.

#### **2.2.2. Khu vực lưu chứa:**

- Diện tích: 20 m<sup>3</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: Khu vực lưu chứa nằm trong kho phân bón của Cơ sở.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

#### **2.3.1. Thiết bị lưu chứa:**

- Trang bị 05 thùng dung tích 120 lít, loại thùng nhựa, có nắp đậy đảm bảo ngăn chất rò rỉ hoặc rơi vãi ra môi trường; chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng được đặt trong khuôn viên và kho phân bón để lưu trữ rác thải.

- Trang bị 04 thùng rác nhỏ với dung tích chứa 20 lít có nắp đậy kín để lưu trữ rác phát sinh từ khu vực văn phòng, nhà vệ sinh và nhà bảo vệ.

#### **2.3.2. Khu vực tập kết:**

- Diện tích: 1m<sup>2</sup>.

- Được bố trí gần cổng Cơ sở, gắn dấu hiệu cảnh báo,... để tập kết rác sinh hoạt chuyển chờ chuyển giao theo đúng quy định.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố bể tự hoại: thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải; bảo trì, bảo dưỡng định kỳ.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: Trang bị thiết bị PCCC, dán nhãn phân loại và biển cảnh báo tại khu vực chứa chất thải nguy hại theo quy định.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống thoát nước: Không xây dựng các công trình trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối van, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Trang bị thiết bị PCCC cầm tay đặt tại nơi dễ thấy. Định kỳ kiểm tra các thiết bị PCCC đảm bảo đạt các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

**Phụ lục 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND  
ngày.....tháng 01 năm 2025 của UBND huyện Cần Đức)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

**C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

4. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

5. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của Cơ sở.

7. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc tại Cơ sở.

8. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Cơ sở được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

10. **Chậm nhất là 10 ngày** sau khi được cấp đổi giấy phép môi trường, Chủ cơ sở thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ cơ sở hoặc tại trụ sở UBND cấp xã nơi hoạt động của Cơ sở.

11. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định tại Mẫu số 05.A Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT (kỳ báo cáo tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12), báo cáo gửi về trước ngày 15/01 của năm tiếp theo theo Quyết định số 3323/QĐ-BTNMT ngày 01/12/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường./.